

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HC-ST.
Ngày: 12- 11 – 2019
V/v “Khiếu kiện Quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Ngọc Ân và bà Nguyễn Thị Bảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 05/2019/TLST-HC ngày 27 tháng 02 năm 2019; về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST - HC ngày 09 tháng 9 năm 2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 26/2019/QĐST-HC ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên; giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Huỳnh Thị Tuyết M – sinh năm 1955.

Địa chỉ: 12 Trần R, Kp. B, TT. C, huyện T. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Bùi Tiến T – sinh năm 1977.

Địa chỉ: 12 Trần R, Kp. B, TT. C, huyện T. Có mặt.

2. *Người bị kiện:*

- Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Phú Yên;

- Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Phạm Ngọc T – Phó Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Phú Yên (Theo giấy ủy quyền số 37/GUQ-CT và 38/GUQ-CT ngày 01/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện T). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên;

Địa chỉ: 07 Độc lập, phường 7, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2 Ủy ban nhân thị trấn C, huyện T;

Người đại diện theo ủy quyền của UBND thị trấn C: Ông Võ Tấn M – công chức địa chính. Có mặt.

3.3 Vợ chồng Trần D – sinh năm 1925 ©, bà Hoàng Thị S - sinh năm 1943;

Địa chỉ: Kp. B, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị S: Ông Trần Khắc T – sinh năm 1973.

Địa chỉ: Kp. B, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần D ©:

- Ông Trần Đức D – sinh năm 1971;

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn C, huyện T. Vắng mặt.

- Ông Trần Sinh L – sinh năm 1973;

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn C, huyện T. Có mặt.

- Bà Trần Thị Đ – sinh năm 1975;

Địa chỉ: Xóm Ga, phường 2, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Bà Trần Thị Hạnh – sinh năm 1978;

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn C, huyện T. Vắng mặt.

- Ông Trần Đức P – sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Bà Trần Thị H – sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn C, huyện T. Vắng mặt.

3.4 Ông Bùi Tiến T – sinh năm 1977;

Địa chỉ: 12 Trần R, Kp. B, thị trấn C. Có mặt.

3.5 Bà Bùi Huỳnh Mục L – sinh năm 1979;

Địa chỉ: Kp B, TT. C, huyện T. Vắng mặt.

3.6 Ông Bùi Nhựt P – sinh năm 1981.

Địa chỉ: Quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ly, ông Phong: Ông Bùi Tiên T – sinh năm 1977. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thống nhất trình bày:

Vào năm 1981, gia đình bà M, ông T được UBND huyện T cấp đổi đất xây dựng nhà ở (tại 12 Trần R, khu phố B, thị trấn C, huyện T) sinh sống từ đó đến nay. Khoảng cuối năm 1982 gia đình bà M có phát hoang bụi rậm, cải tạo một mảnh đất có diện tích khoảng 96m² trồng cây Bạch đàn, sử dụng ổn định, liên tục. Vị trí lô đất có giới cận: Phía Bắc giáp công thoát nước; Nam giáp lối đi vào nhà ông Nguyễn Tấn Sanh; Đông giáp đất ông Trần D, bà Hoàng Thị S (nay thuộc UBND thị trấn C quản lý sử dụng vì ông D sử dụng sai mục đích, lấn chiếm trái phép nên UBND huyện T thu hồi vào năm 2005) và phía Tây giáp đất hành lang đường Trần R.

Liên kề với hàng rào cây xanh phía Đông của diện tích 96m² gia đình bà M đang sử dụng là diện tích 312,62m² đất ông Trần D và bà Hoàng Thị S. Năm 2005, ông Trần D, bà Hoàng Thị S sử dụng đất vi phạm pháp luật nên bị UBND huyện T thu hồi đất theo Quyết định số 878/2005/QĐ-UBND ngày 05/9/2005 về việc thu hồi đất đối với ông Trần D thường trú tại khu phố B, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên với diện tích 312,62m² giao cho UBND thị trấn C quản lý.

Năm 2015, UBND huyện T có Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 quy hoạch khép kín khu dân cư nên lấy diện tích 96m² đất của gia đình bà M và diện tích 312,62m² đất UBND thị trấn C quản lý để phân lô chi tiết, dự kiến sẽ giao cho 04 hộ dân khác sử dụng mà không đặt vấn đề bồi thường về đất đối với gia đình bà M nên bà M đã nhiều lần khiếu nại đến UBND huyện T và yêu cầu xem xét công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 96m² đất nhà bà M đang sử dụng. Tuy nhiên, UBND huyện T cố tình gây khó khăn, trả lời cho bà M nhiều lần nhưng không đúng pháp luật.

Ngày 03/7/2018 Bà M tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện T. Ngày 08/10/2018 Chủ tịch UBND huyện T có Quyết định số 1836/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại lần đầu không công nhận quyền sử dụng diện tích 96m² đất mà bà M đang sử dụng, chỉ công nhận những cây bạch đàn trồng trên đất.

Do đó người khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 1836/QĐ-CT ngày 08/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện T; công văn số 246/UBND ngày 11/9/2017 của Chủ tịch UBND huyện T; Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của UBND huyện T và Quyết định 466/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 của UBND huyện T.

- Buộc UBND huyện T công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 96m² tọa lạc tại khu phố B, thị trấn C, huyện T cho gia đình bà Huỳnh Thị Tuyết M.

Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện T, UBND huyện T trình bày (Tại Văn bản số 368/UBND ngày 09/4/2019):

Ngày 16/2/1995 UBND thị trấn C có Biên bản giải quyết về việc tranh chấp đất trồng cây Bạch Đàn giữa ông Trần D và ông Bùi Trung T (chồng bà Huỳnh Thị Tuyết M nay ông T đã chết), UBND thị trấn C giải quyết: Hai bên đều thừa nhận việc trồng cây của ông T trên đường đã vi phạm theo thông báo cấm trồng cây trên đường nội thị ông T thừa nhận. Kết luận: *“Cần giữ tình đoàn kết hài hòa lợi ích đôi bên đạt lý thâu tình, trong đó ông T được tiếp tục sử dụng cây đang trồng, không được trồng thêm và khi chặt cây không được trồng lại; ông D muốn chuyển mục đích sử dụng đất đang trồng cây để cất nhà thì phải xin phép.”*

Ngày 26/3/2005, ông Trần D thường trú khu phố B, thị trấn C, huyện T có đơn khiếu nại Quyết định số 144/QĐ-UB ngày 03/3/2005 của UBND huyện T về việc thu hồi diện tích 22,5m² đất do ông khai hoang để mở đường đi cho ông Nguyễn Tấn Sanh. Sau khi thu lý giải quyết Chủ tịch UBND huyện T ra Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 11/7/2005 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần D (lần đầu), với nội dung: *“Không công nhận nội dung đơn khiếu nại đề ngày 26/3/2005 của ông Trần D; Giao phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và UBND thị trấn C lập thủ tục thu hồi diện tích hiện nay ông Trần D đổ đất nâng mặt bằng ở thửa số 57 diện tích 410m² đúng theo quy định của pháp luật; Giao UBND thị trấn C tiến hành kiểm điểm nghiêm đối với ông Lê Văn Được nguyên Chủ tịch UBND thị trấn C đã ký xác nhận việc sử dụng đất của ông Trần D để hợp thức hóa giấy tờ cho ông D là việc làm thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý đất đai.”*

Ngày 19/8/2005, ông Trần D gửi đơn khiếu nại đến UBND tỉnh Phú Yên, khiếu nại Quyết định giải quyết khiếu nại số 685/QĐ-CT ngày 11/7/2005 của Chủ tịch UBND huyện T, về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần D. Ngày 13/02/2006 Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 295/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần D, thường trú khu phố B, thị trấn C, huyện T (lần 2) với nội dung: Không công nhận nội dung đơn khiếu nại đề ngày 19/8/2005 của ông Trần D về việc khiếu nại nội dung Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 11/7/2005 của Chủ tịch UBND huyện T vì không có cơ sở pháp luật; Công nhận nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 685/QĐ-CT ngày 11/7/2005 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần D. (Trong cùng thửa đất giải quyết khiếu nại theo các Quyết định nêu trên có phần diện tích bà Huỳnh Thị Tuyết M đang khiếu nại hiện nay).

Diện tích đất khiếu nại đo đạc theo chỉ dẫn của gia đình bà M là 96m². Vị trí: Đông giáp đất UBND thị trấn C quản lý; phía Tây giáp đất hành lang đường Trần R; phía Nam giáp đất đường đi nội bộ; phía Bắc giáp suối. Hiện trạng trên khu đất bà Huỳnh Thị Tuyết M trồng 07 cây bạch đàn, một ngôi nhà tạm do ông Trần Khắc T xây dựng.

Hồ sơ địa chính: Theo bản đồ 299/TTg, tờ bản đồ số 07 và sổ dã ngoại lập năm 1994 là thuộc thửa đất số 74, diện tích 480m², loại đất bạch đàn, không ghi chủ sử dụng đất; Bản đồ địa chính, tờ bản đồ số 06 và sổ mục kê lập năm 1997, thuộc thửa đất số 57, diện tích 410m², loại đất màu, do UBND thị trấn C quản lý; bản đồ đo đạc chỉnh lý biên động, tờ bản đồ số 07 và sổ mục kê lập năm 2012, thuộc thửa đất số 87, diện tích 316,46m² do UBND thị trấn C quản lý.

Sau khi kiểm tra, phần diện tích đất 96m² mà bà Huỳnh Thị Tuyết M khiếu nại yêu cầu các cấp có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất là hoàn toàn nằm trong diện tích 410m² nhà nước đã giao cho UBND thị trấn C quản lý theo Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 11/7/2005 của Chủ tịch UBND huyện T (lần đầu) và Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 13/02/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên (lần 2) về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần D, thường trú khu phố B, thị trấn C, huyện T.

Ngày 05/9/2005 UBND huyện T ban hành Quyết định số 878/2005/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với ông Trần D thường trú khu phố B, thị trấn C, huyện T với diện tích 312,62m² (Theo bản đồ địa chính năm 1997, tờ bản đồ số 06, thửa đất số 57, diện tích 410m², loại đất màu, do UBND thị trấn C quản lý. Đo đạc tại thực địa chỉ còn 335,12m², gồm 22,5m² UBND huyện T đã giao cho ông Sanh làm đường còn lại 312,62m² trong đó có phần diện tích 96m² bà M đang khiếu nại).

Theo quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 13/02/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên cũng đã xác định thửa đất số 57, diện tích 410m², loại đất màu, do UBND thị trấn C quản lý (theo bản đồ địa chính, tờ bản đồ số 06 và sổ mục kê lập năm 1997). Đo đạc tại thực địa chỉ còn 335,12m² gồm 22,5m² UBND huyện T giao cho ông Sanh làm đường và 312,62m² UBND huyện T đã thu hồi giao cho UBND thị trấn C quản lý tại Quyết định số 878/2005/QĐ-UBND ngày 05/9/2005.

Năm 2015 khu đất này do UBND thị trấn C quản lý đưa vào dự án quy hoạch khép kín khu dân cư, UBND huyện T đã có quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 về việc thỏa thuận kiến trúc quy hoạch và phê duyệt bản đồ quy hoạch chi tiết phân lô Dự án: Khép kín khu dân cư đô thị khu vực đường Trần R, khu phố B, thị trấn C, huyện T. Theo đó, phần diện tích 96m² bà M khiếu nại nằm trong diện tích đã thu hồi của dự án.

Ngày 29/6/2018, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1244/QĐ-UBND về việc điều chỉnh ranh giới quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch chi tiết phân lô dự án: Khép kín khu dân cư đô thị khu vực đường Trần R, khu phố B, thị trấn C, huyện T. Theo đó, phần diện tích 96m² bà M khiếu nại nằm trong diện tích đã thu hồi.

Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất như sau: Nguyên trước năm 1975, diện tích đất bà Huỳnh Thị Tuyết M yêu cầu các cấp có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất diện tích 96m² tại đường Trần R khu phố B, thị trấn C, huyện T tỉnh Phú Yên là một phần trong diện tích đất do chính quyền chế độ cũ sử dụng làm bãi tập kết đá dăm để làm đường. Sau năm 1975, một số hộ dân ở khu vực lân cận đến cải

tạo và trồng hoa màu. Năm 1980, trường THPT Trần Phú từ xã An Cư chuyển về thị trấn C, UBND huyện T đã giao toàn bộ diện tích đất nói trên cho trường THPT Trần Phú để xây dựng cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên, nhà trường chỉ xây dựng các phòng học ở khu phía Nam khu đất (như hiện trạng). còn phần diện tích phía Bắc (có diện tích đất ông Trần D khiếu nại vào năm 2005), Ban giám hiệu nhà trường xin phép UBND huyện T cho xây dựng nhà tập thể giáo viên. Khu tập thể có giới cận Đông giáp đất quy hoạch sân vận động; Tây giáp đường số 4 (nay là đường Trần R); Nam giáp đất trường xây dựng phòng học; Bắc giáp suối. Từ phía Nam khu đất có một con suối chảy theo hướng Tây Nam – Đông Bắc cắt ngang qua khu đất nhà tập thể và đất quy hoạch Sân vận động huyện. Đến năm 1981, khi tiến hành san ủi sân vận động, UBND huyện T đã ủi mở con suối mới, dẫn dòng chảy để con suối chạy dọc theo mặt dãy nhà khu tập thể giáo viên (nay dọc theo đường Trần R). Tại điểm giao nhau giữa con suối mới ủi với con suối phía Bắc khu đất, do bị vất xéo nên tạo ra một phần đất diện tích 410m² (diện tích đất ông Trần D khiếu nại vào năm 2005 và bà Huỳnh Thị Tuyết M đang khiếu nại hiện nay). Sau đó gia đình ông Trần D và gia đình bà Huỳnh Thị Tuyết M tự ý đến diện tích đất này để phát dọn cây bụi trồng Bạch đàn, diện tích đất ông D khiếu nại có giới cận: Đông và Nam giáp suối; Tây giáp đường số 4 (nay là đường Trần R); Bắc giáp suối, trong đó có phần diện tích đất gia đình bà M trồng cây bạch đàn là nằm trên ranh giới đất ông D phát dọn với đường đi (đường Trần R hiện nay). Phần đất bà M đang khiếu nại chỉ là hàng cây bạch đàn đã trồng trước đây, không như diện tích 96m² mà gia đình bà đã chỉ dẫn đo đạc hiện nay để khiếu nại. Hội đồng tư vấn giải quyết khiếu nại về đất đai thị trấn C kết luận phần diện tích đất bà M khiếu nại là đất quy hoạch của trường Trần Phú từ trước năm 1980, sau đó không sử dụng giao lại cho UBND thị trấn C quản lý theo các quyết định của UBND huyện và tỉnh là phù hợp quy định của pháp luật. Nội dung bà M khiếu nại là không có cơ sở và không đúng với thực tế. Phần diện tích đất này do UBND thị trấn C quản lý và đã bị thu hồi tại Quyết định số 878/2005/QĐ-UBND ngày 05/9/2005 về thu hồi đất đối với ông Trần D thường trú khu phố B, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên, với diện tích 312,62m² (trong đó có phần diện tích 96m² bà M đang khiếu nại).

Đối với phần tài sản có trên đất (cây bạch đàn) do gia đình bà Huỳnh Thị Tuyết M (ông T) trồng thì bà được quyền sử dụng.

Từ những nhận định và căn cứ nêu trên, Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 1836/QĐ-CT ngày 08/10/2018 về việc giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị Tuyết M, với nội dung *“Không công nhận nội dung khiếu nại của bà Huỳnh Thị Tuyết M, vì không có cơ sở và không phù hợp với quy định của pháp luật. Phần tài sản có trên đất (cây bạch đàn) do gia đình bà Huỳnh Thị Tuyết M trồng thì bà được quyền sử dụng. Giao trách nhiệm Chủ tịch UBND thị trấn C tiếp tục quản lý đất đai theo quy định của pháp luật.”* là phù hợp với quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thị trấn C trình bày: Thống nhất theo quan điểm giải quyết của UBND huyện T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị S trình bày: Diện tích đất bà Huỳnh Thị Tuyết M đang khiếu kiện là một phần diện tích đất nằm trong thửa đất do chồng tôi là ông Trần D khai phá, sử dụng ổn định từ năm 1980 đến nay. Thửa đất đó hiện nay gia đình tôi vẫn đang sử dụng ổn định, phía Tây giáp hành lang đường Trần R, khu phố B. Không có phần đất nào của gia đình bà Huỳnh Thị Tuyết M. Vì trước đây vợ chồng bà M trồng cây bạch đàn trên hành lang đường Trần R, thời điểm đó gia đình tôi đã làm bờ rào sát hành lang đường Trần R rồi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị S và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần D © thống nhất trình bày: Nguyên diện tích đất 96m² bà Huỳnh Thị M đang khiếu kiện yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và đã được Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/7/2019 có nguồn gốc là do cha vợ tôi ông Trần D khai hoang vào năm 1980. Diện tích 96m² này nằm trong diện tích 312,62m² mà UBND huyện T đã thu đất của vợ chồng ông Trần D, bà Hoàng Thị S theo Quyết định 878/2005/QĐ-UBND ngày 05/9/2005. Sau đó ông Bùi Trung T (chồng của bà Huỳnh Thị Tuyết M) tự ý đến trồng cây bạch đàn trên diện tích đất của cha tôi khai hoang. Sau đó thì vào ngày 16/02/1995 thì UBND thị trấn C có lập biên bản giải quyết tranh chấp giữa cha tôi ông Trần D với ông Bùi Trung T. Theo biên bản thể hiện “việc trồng cây của ông T trên mặt đường là đã vi phạm theo thông báo cấm trồng cây trên đường nội thị ông T thừa nhận” “ông Bùi Trung T được tiếp tục sử dụng cây đang trồng không được trồng thêm. Khi chặt cây sử dụng thì không được trồng lại”. Do đó, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất 96m² của bà Huỳnh Thị Tuyết M là không đúng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Tiến T, bà Bùi Huỳnh Mục L và ông Bùi Nhựt P: Thống nhất theo quan điểm trình bày của người khởi kiện.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương S thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện. Hôm nay, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

Các đương sự giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện VKSND tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, những người tham gia tố

tụng là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 193 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Tuyết M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về đối tượng khởi kiện*: Người khởi kiện bà Huỳnh Thị Tuyết M yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 1836/QĐ-CT ngày 08/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện T; công văn số 246/UBND ngày 11/9/2017 của Chủ tịch UBND huyện T; Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của UBND huyện T và Quyết định 466/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 của UBND huyện T.

- Buộc UBND huyện T công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 96m² tọa lạc tại khu phố B, thị trấn C, huyện T cho gia đình bà Huỳnh Thị Tuyết M.

Ngày 19/12/2018 người khởi kiện nộp đơn khởi kiện tại TAND tỉnh Phú Yên. Nên TAND tỉnh Phú Yên tiến hành thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[3] *Về nội dung*:

[3.1] *Xét nguồn gốc đất 96m² bà Huỳnh Thị Tuyết M đang khiếu kiện*: Người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận diện tích đất này có liên quan đến biên bản “*Giải quyết về việc tranh chấp đất trồng cây bạch đàn giữa Trần D và Bùi Trung T*” do UBND thị trấn C lập ngày 16/02/1995.

[3.2] Theo kết quả giải quyết tranh chấp thể hiện: Ông T (chồng bà Huỳnh Thị Tuyết M) và ông Trần D đều thừa nhận việc trồng cây của ông T trên mặt đường đã vi phạm theo thông báo cấm trồng cây trên đường nội thị. Ông T được tiếp tục sử dụng cây đang trồng, không được trồng thêm và khi chặt cây không được trồng lại; ông D muốn chuyển mục đích sử dụng đất đang trồng cây để cất nhà thì phải xin phép. Khi được phép cất nhà trên đất, ông Trần D đang sử dụng ông Trần Trung T phải giải tỏa cây để chừa mặt tiền của nhà ở giáp đường nội thị (cấp 3 Trần Phú).

[3.3] Đối chiếu bản đồ đo đạc qua các thời kỳ tại khu vực diện tích đất bà M đang khiếu kiện do UBND thị trấn C cung cấp thì phía Tây thửa đất số 57 bản đồ địa chính năm 1997 (tương ứng thửa đất số 74 bản đồ đo đạc 299, thửa số 87 bản đồ đo đạc chỉnh lý năm 2012) tiếp giáp với đường đi (nay là đường Trần R), không tồn tại một thửa đất nào khác. Như vậy, theo bản đồ 299/TTg, tờ bản đồ số 07 và sổ đã ngoại lập năm 1994 thì diện tích 96m² bà M đang khiếu kiện thuộc thửa đất số 74, diện tích 480m², loại đất bạch đàn, không ghi chủ sử dụng đất; Bản đồ địa chính, tờ bản đồ số 06 và sổ mục kê lập năm 1997, thuộc thửa đất số 57, diện tích 410m², loại đất màu, do UBND thị trấn C quản lý; bản đồ đo đạc chỉnh lý biên động, tờ bản đồ số 07 và sổ mục kê lập năm 2012, thuộc thửa đất số 87, diện tích 316,46m² do UBND thị trấn C quản lý.

[3.4] Xét thửa đất số 57, tờ bản đồ số 06 bản đồ địa chính năm 1997: HĐXX nhận thấy theo sổ mục kê lập năm 1997: thửa đất số 57 có diện tích 410m², loại đất màu, do UBND thị trấn C quản lý. Đồng thời thửa đất này đã được UBND huyện T thu hồi theo Quyết định số 144/QĐ-UB ngày 03/3/2005 của UBND huyện T về việc thu hồi diện tích 22,5m² đất để mở đường đi cho ông Nguyễn Tấn S và quyết định thu hồi đất số 878/2005/QĐ-UBND ngày 05/9/2005 của UBND huyện T “V/v Thu hồi đất đối với ông Trần D, thường trú thôn B, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên”.

[3.5] Tại Quyết định thu hồi đất số 878/2005/QĐ-UBND ngày 05/9/2005 của UBND huyện T thể hiện diện tích thu hồi là 312,62m², vị trí nằm phía Đông đường Trần R, phía Tây giáp hành lang đường và hàng bạch đàn của bà M.

[3.6] Mặc khác trong quá trình UBND huyện T ban hành Quyết định thu hồi đất số 144/QĐ-UB ngày 03/3/2005 thì ông Trần D cũng đã có đơn khiếu nại và đã được Chủ tịch UBND huyện T và Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên giải quyết khiếu nại bằng hai Quyết định đã có hiệu lực pháp luật (Quyết định số 685/QĐ-CT ngày 11/7/2005 của Chủ tịch UBND huyện T và Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 13/02/2006 Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên). Theo đó đều khẳng định thửa đất số 57, tờ bản đồ số 06 bản đồ địa chính năm 1997 do nhà nước quản lý.

Từ những nhận định HĐXX nhận thấy: Việc bà Huỳnh Thị Tuyết M cho rằng tồn tại một phần diện tích đất 96m² do gia đình bà khai hoang nằm giữa phần diện tích đất ông Trần D (đã bị nhà nước thu hồi vào năm 2005) và đường Trần R để yêu cầu UBND huyện T công nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở.

[4] Đối với các cây bạch đàn có trên diện tích 96m² bà M đang khiếu kiện thì người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết và đã được Chủ tịch UBND huyện T công nhận cho bà Huỳnh Thị Tuyết M tại

Quyết định số 1836/QĐ-CT ngày 08/10/2018 nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Người khởi kiện thuộc diện người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Người khởi kiện phải chịu theo quy định pháp luật do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 30, Điều 32, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 348, 358 Luật tổ tụng hành chính; Điều 2 của Luật người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009 của Quốc hội; Điểm đ, khoản 1 Điều 12 và Khoản 1, Điều 32 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Tuyết M đối với yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1836/QĐ-CT ngày 08/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện T; công văn số 246/UBND ngày 11/9/2017 của Chủ tịch UBND huyện T; Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của UBND huyện T và Quyết định 466/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 của UBND huyện T.

- Buộc UBND huyện T công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 96m² tọa lạc tại khu phố B, thị trấn C, huyện T cho gia đình bà Huỳnh Thị Tuyết M.

Vì không có căn cứ pháp luật.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị Tuyết M được miễn án phí hành chính sơ thẩm; Hoàn trả lại cho người khởi kiện 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0012993 ngày 27/2/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Huỳnh Thị Tuyết M phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định (đã nộp đủ).

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Ngọc Ân

Nguyễn Thị Bảo

Lê Ngọc Minh

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng (1);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Cục THADS tỉnh Phú Yên (1);
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA; AV;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Minh

